**MẪU VÀ GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**QUÝ 3.2017**

**I. Thông tin chung về Quỹ**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ;

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là. **40.54** (%) so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo; Quỹ không có danh mục cơ cấu và chỉ số tham chiếu là.

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Chiến lược đầu tư của Quỹ VFMVF4 là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Những doanh nghiệp này hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề bao gồm (nhưng không giới hạn) như: thực phẩm & nước giải khát, hàng tiêu dùng, bán lẻ, năng lượng, vật liệu - khai khoáng, dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, cơ sở hạ tầng - bất động sản… Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ; Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn.

Quỹ VFMVF4 có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ bao gồm (nhưng không giới hạn): trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu thường và trái phiếu chuyển đổi của các tổ chức phát hành hoạt động … giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ…) không vượt quá 20% Tổng tài sản của Quỹ.

**4. Phân loại Quỹ:** Quỹ công chúng dạng mở

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không có

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):** Cao

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** 28/02/2008

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo** (Tại ngày 30/09/2017):

* Tổng giá trị tài sản ròng: **511,183,167,054** Việt nam đồng
* Số lượng chứng chỉ quỹ: **32,974,279.25** ccq

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ** (ở thời điểm báo cáo (N)):

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cơ cấu tài sản quỹ | **30/09/2017**  **(%)** | **30/09/2016**  **(%)** | **30/09/2015**  **(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán | 85.9 | 77.6 | 84.2 |
| 2.Tài sản khác | 14.1 | 22.4 | 15.8 |
| **Cộng** | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chi tiêu | **30/9/2017** | **30/9/2016** | **30/9/2015** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 511,183,167,054 | 363,735,550,880 | 301,942,771,909 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 32,974,279.25 | 27,659,595.92 | 29,907,227.25 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 15,502.48 | 13,150.42 | 10,095.98 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 15,506.43 | 13,226.44 | 10,752.37 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 12,267.59 | 10,015.55 | 8.737,36 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | -93.55% | 12887.31% | -138.69% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -64.47% | 12912.92% | -99.15% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | -29.08% | -25.61% | -39.54% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.35% | 2.41% | 2.48% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 1.26 | 1.1 | 1.28 |

● *Tốc độ vòng quay danh mục: Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng.*

**3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giai đoạn | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (VND) | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%) |
| - 1 năm | 2.352 | 17,9% |
| - 3 năm | 5.087 | 14,2% |
| - Từ khi thành lập | 8.409 | 6,6% |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu |

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | **30/09/2017**  **(%)** | **30/09/2016**  **(%)** | **30/09/2015**  **(%)** |  |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 17,9% | 30,3 | -3,1 |  |

*Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh. Ví dụ tại thời điểm 31/12 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 31/12 hàng năm.*

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Thị trường vừa kết thúc kỳ giao dịch quý 3 với diễn biến khá tích cực về điểm số. Dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, thị trường liên tục tăng điểm và chinh phục thành công cột mốc 800 điểm sau tuần giao dịch đầu tiên của tháng 9, đánh dấu cột mốc mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong hơn 9 năm qua. Trong 3 tuần giao dịch còn lại của quý, thị trường phần lớn dao động giằng co và tích lũy trên vùng 800 điểm, có thời điểm VNIndex đã chạm mức 810 đểm, các cổ phiếu thuộc nhóm vốn hóa lớn là tâm điểm của thị trường gồm có VNM, SAB, VIC, GAS, MSN, HPG, ROS khi luân phiên thu hút dòng tiền, giao dịch tích cực đã trở thành động lực cho sự bức phá của các chỉ số. Nhưng thị trường trong quý 3 cũng cho thấy diễn biến tiêu cực ở nhóm cổ phiếu còn lại khi sắc đỏ lan rộng và dòng tiền vào thị trường suy yếu tạo tâm lý thận trong cho nhà đầu tư. Trong những phiên giao dịch cuối tháng 9, thị trường liên tiếp chịu áp lực bán mạnh khi chỉ số VNIndex chạm vùng 810 điểm. Những điểm chính của thị trường trong quý vừa qua: i) Tâm lý thận trọng dâng cao của Nhà đầu tư khiến dòng tiền vào thị trường suy yếu; ii) Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn vẫn là nhân tố chính nâng đỡ thị trường; iii) Sức nóng chỉ thực sự diễn ra ở các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt và được kỳ vọng gặt hái KQKD quý 3/2017; iv) Khối ngoại trở lại bán ròng dù thị trường đã kết thúc kỳ review danh mục của các quỹ ETFs. Với lực bán tập trung ở các cổ phiếu có vốn hóa lớn thì giao dịch của khối ngoại đã tạo sức ép tiêu cực khá lớn lên thị trường.

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 17.9 | 14.2 | N/A |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 17.9 | 14.2 | N/A |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 17.9 | 14.2 | N/A |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

● Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;

● Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất.

● Các số liệu trình bày phải được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán. Trường hợp dựa trên báo cáo tài chính chưa được soát xét phải công bố thông tin rõ ràng.

● Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.Lộc

● Thay đổi giá trị tài sản ròng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 09/2017 | 09/2016 | Tỷ lệ thay đổi |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 511,183,167,054 | 363,735,550,880 | 40.54% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 15,502.48 | 13,150.42 | 17.89% |

Trong quý III/2017, quỹ VF4 tăng trưởng 40.54% so với cùng kỳ, trong đó đóng góp chủ yếu đến từ tăng trưởng của danh mục là 21.33% và tiền nhà đầu tư mua mới số chứng chỉ quỹ tăng tương ứng 19.21% so với cùng kỳ. Bình quân trong kỳ giá trị NAV trên một chứng chỉ quỹ tăng 17.89%.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5000 | 1,201 | 968,517.31 | 2.94 |
| Từ 5000 - 10.000 | 112 | 772,633.6 | 2.34 |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 111 | 2,468,148.2 | 7.49 |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 90 | 11,961,471.47 | 36.28 |
| Trên 500.000 | 9 | 16,803,508.67 | 50.96 |
| **Tổng cộng** | 1,523 | 32,974,279.25 | **100** |

*Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

**5.** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Trình bày cam kết chính sách của Công ty quản lý quỹ về chi phí ngầm, giảm giá và tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường :**

Thị trường chứng khoán trong quý cuối năm 2017 dự báo sẽ có nhiều yếu tố tác động như: i) Kết quả kinh doanh quý 3 của các doanh nghiệp niêm yết dự báo khả quan, là yếu tố hỗ trợ cho việc thu hút dòng tiền của thị trường; ii) Tình hình kinh tế vĩ mô với những chuyển biến tích cực, tăng trưởng GDP quý III đạt 7,46%, kéo tăng trưởng 9 tháng lên 6,41% và nhiều khả năng sẽ đạt được kế hoạch cả năm tăng 6,7% cũng sẽ là động lực hỗ trợ thị trường; iii) Nhưng bên cạnh đó vẫn còn những yếu tố khó tạo ra sự bức phá của thị trường như: Tâm lý thận trọng của nhà đầu tư khi thị trường đang ở mức cao, cũng như tình hình dư nợ Margin của các công ty chứng khoán cũng đang chạm đỉnh; iv) Những tháng còn lại của năm có nhiều công ty lớn thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) sẽ thu hút một phần dòng tiền từ thị trường niêm yết sẽ khiến thanh khoản sụt giảm. Dự báo các nhóm ngành kỳ vọng tăng trưởng tốt trong những tháng còn lại của năm là các nhóm ngành như: Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản, xây dựng và vật liệu xây dựng, thực phẩm – đồ uống, hàng tiêu dùng…

**VI. Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Thông tin gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
| Nhân sự điều hành Quỹ VFMVF4 | Lương Thị Mỹ Hạnh | Điều hành Quỹ | Thạc sỹ Kinh tế | * Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Trần Lê Minh | Điều hành Quỹ | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | * Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Ban đại diện Quỹ | Đặng Thái Nguyên | Chủ tịch | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế | * Từ 2003 đến 2006: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa * Từ 2006 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt |
| Lê Trung Thành | Thành viên | Cử nhân cao cấp chính trị - Cử nhân quản trị kinh doanh | * Từ 2004 đến nay: Phó tổng giám đốc công ty CP mía đường Lam Sơn * Từ 2010 đến nay: Giám đốc công ty TNHH Đầu tư thương mại du lịch Lam Sơn |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | * Từ 2011 đến 2012: Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS * Từ 2012 đến nay: Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | Luật Sư | * Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Trần Thanh Tân | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2003 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Lương Thị Mỹ Hạnh | Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu | Thạc sỹ Kinh tế | * Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Nguyễn Minh Đăng Khánh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính | Thạc sỹ Tài chính – kinh tế | * Từ 2011 đến nay: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Trần Lê Minh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | * Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |
| Trần Văn Hiếu | Phó tổng giám đốc – Khối huy động vốn | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2010 đến 2012: Giám đốc điều hành công ty Pana Harrison Asia Limited insurance broker Việt Nam * Từ 2012 đến 2014: Giám đốc Dự án công ty Generali Việt Nam * Từ 2014 đến 2015: Giám đốc Huy động vốn cao cấp công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam * Từ 2016 đến nay: Phó tổng giám đốc công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam |

|  |  |
| --- | --- |
| *Tp HCM, ngày 18 tháng 10 năm 2017* **TỔNG (GIÁM) ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |  |